

THỐNG KÊ NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT
CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Năng lực						Phẩm chất														
			Tự phục vụ, tự quản			Hợp tác			Tự học và giải quyết vấn đề			Chăm học, chăm làm			Tự tin, trách nhiệm			Trung thực, kỉ luật			Đoàn kết, yêu thương		
			T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Toàn trường			383	57	0	386	54	0	381	59	0	396	44	0	398	42	0	398	42	0	397	43	0
Khối 3			140	21	0	142	19	0	143	18	0	142	19	0	143	18	0	143	18	0	147	14	0
1	3C1	29	20	9	0	22	7	0	23	6	0	21	8	0	22	7	0	22	7	0	26	3	0
2	3C2	32	30	2	0	30	2	0	30	2	0	30	2	0	30	2	0	30	2	0	30	2	0
3	3C3	34	31	3	0	31	3	0	31	3	0	32	2	0	32	2	0	32	2	0	32	2	0
4	3C4	32	29	3	0	29	3	0	29	3	0	29	3	0	29	3	0	29	3	0	29	3	0
5	3C5	34	30	4	0	30	4	0	30	4	0	30	4	0	30	4	0	30	4	0	30	4	0
Khối 4			126	23	0	126	23	0	126	23	0	132	17	0	132	17	0	132	17	0	132	17	0
1	4D1	39	32	7	0	32	7	0	32	7	0	32	7	0	32	7	0	32	7	0	32	7	0
2	4D2	38	34	4	0	34	4	0	34	4	0	37	1	0	37	1	0	37	1	0	37	1	0
3	4D3	38	33	5	0	33	5	0	33	5	0	37	1	0	37	1	0	37	1	0	37	1	0
4	4D4	34	27	7	0	27	7	0	27	7	0	26	8	0	26	8	0	26	8	0	26	8	0
Khối 5			117	13	0	118	12	0	112	18	0	122	8	0	123	7	0	123	7	0	118	12	0
1	5E1	34	31	3	0	31	3	0	31	3	0	31	3	0	32	2	0	33	1	0	31	3	0
2	5E2	35	33	2	0	34	1	0	28	7	0	35	0	0	35	0	0	34	1	0	31	4	0
3	5E3	37	32	5	0	32	5	0	32	5	0	35	2	0	35	2	0	35	2	0	35	2	0
4	5E4	24	21	3	0	21	3	0	21	3	0	21	3	0	21	3	0	21	3	0	21	3	0

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hiền

**THỐNG KÊ NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT
 CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Năng lực cốt lõi																								Phẩm chất chủ yếu																													
			Năng lực chung									Năng lực đặc thù																																												
			Tự chủ & tự học			Giao tiếp & hợp tác			Giải quyết VD & sáng tạo			Ngôn ngữ			Tinh toán			Khoa học			Công nghệ			Tin học			Thẩm mỹ			Thể chất			Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm											
T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C												
Toàn trường		287	##	14	0	##	15	0	##	16	0	##	17	0	##	18	0	##	17	0	0	0	0	0	0	0	##	15	0	##	14	0	##	13	0	##	13	0	##	17	0	##	13	0	##	13	0	##	13	0						
	Khối 1	151	##	2	0	##	3	0	##	4	0	##	5	0	##	6	0	##	5	0	0	0	0	0	0	0	##	3	0	##	2	0	##	1	0	##	1	0	##	5	0	##	1	0	##	1	0	##	1	0						
1	1A1	39	39	0	0	37	2	0	37	2	0	38	1	0	37	2	0	37	2	0	-	-	-	-	-	-	38	1	0	39	0	0	38	1	0	38	1	0	37	2	0	38	1	0	38	1	0									
2	1A2	36	36	0	0	36	0	0	36	0	0	36	0	0	36	0	0	36	0	0	-	-	-	-	-	-	36	0	0	36	0	0	36	0	0	36	0	0	36	0	0	36	0	0	36	0	0	36	0	0						
3	1A3	40	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0	-	-	-	-	-	-	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0						
4	1A4	36	34	2	0	35	1	0	34	2	0	32	4	0	32	4	0	33	3	0	-	-	-	-	-	-	34	2	0	34	2	0	36	0	0	36	0	0	33	3	0	36	0	0	36	0	0	36	0	0						
	Khối 2	136	##	12	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0	0	0	0	0	0	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0	##	12	0			
1	2B1	33	27	6	0	27	6	0	27	6	0	27	6	0	27	6	0	27	6	0	-	-	-	-	-	-	27	6	0	27	6	0	27	6	0	27	6	0	27	6	0	27	6	0	27	6	0	27	6	0						
2	2B2	36	33	3	0	33	3	0	33	3	0	34	2	0	34	2	0	34	2	0	-	-	-	-	-	-	34	2	0	34	2	0	33	3	0	33	3	0	33	3	0	33	3	0	33	3	0	33	3	0	33	3	0			
3	2B3	32	31	1	0	31	1	0	31	1	0	30	2	0	30	2	0	30	2	0	-	-	-	-	-	-	30	2	0	30	2	0	31	1	0	31	1	0	31	1	0	31	1	0	31	1	0	31	1	0	31	1	0			
4	2B4	35	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0	-	-	-	-	-	-	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0	33	2	0